

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05 /2024/KDTM-ST

Ngày: 26/3/2024

V/v: "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

Bà Đặng Thị Thu

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân TP Đồng Hới:* Ông Nguyễn Thành Chung.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2023/TLST - KDTM ngày 19 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 01 năm 2024; Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 10/2024/TB-TA ngày 31 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Nguyên A II; Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Công T, sinh năm 1984 - Chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ công ty: Thôn Chánh H, xã Nam T, huyện Bố T, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện theo uỷ quyền của Nguyên đơn là các ông:

+ Ông Trần Đức P, sinh năm 1983; Địa chỉ cư trú: Phường Quảng T, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình. Địa chỉ báo tin: Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Nguyên A II - Khu Công nghiệp Bắc Đồng H, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình. Ông Trần Đức P có mặt tại phiên tòa.

+ Ông Mai Anh H, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số 53/53 đường Vũ Xuân T, phường Sài Đ, quận Long B, TP Hà Nội. Ông Mai Anh H có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư Trường S; Địa chỉ công ty: Số 251A đường Quang T, phường Phú H, TP Đồng H, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Ngọc L, sinh năm 1950 - Chức vụ: Tổng giám đốc; Địa chỉ: Số 151 đường Hữu N, phường Nam L, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình. Ông Hoàng Ngọc L có mặt tại phiên toà.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện, bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/4/2017, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Trường S và Công ty Cổ phần Sản xuất Vật Liệu Xây dựng Nguyên A II có thỏa thuận ký kết Hợp đồng số 1904/HĐMB/TS-NA “Về việc: *Mua bán bê tông thương phẩm phục vụ thi công dự án*” và ngày 31/5/2017 ký tiếp Phụ lục Hợp đồng Số 01 ngày 31/5/2017 kèm theo Hợp đồng. Theo đó, tại Điều 1 Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng quy định về đơn giá cụ thể và giá trị hợp đồng căn cứ vào khối lượng bê tông thương phẩm thực tế Công ty Cổ phần Sản xuất Vật Liệu Xây dựng Nguyên A II cung cấp cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Trường S khi kết thúc hợp đồng nhân với đơn giá hợp đồng. Mặt khác, trong Điều 4 của Hợp đồng, có thỏa thuận về thời gian thanh toán: Cuối tháng, hai bên đối chiếu công nợ lập hồ sơ thanh toán, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Trường S sẽ thanh toán cho Công ty Cổ phần Sản xuất Vật Liệu Xây dựng Nguyên A II 90% giá trị khối lượng hoàn thành, 10% còn lại sẽ thanh toán trong thời gian 3 tháng/1 kỳ thanh toán. Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Trường S sẽ thanh toán 100% giá trị thực hiện hợp đồng cho Công ty Cổ phần Sản xuất Vật Liệu Xây dựng Nguyên A II sau khi hai bên kết thúc hợp đồng. Từ ngày 01/8/2017 đến ngày nay, hai công ty đã thực hiện ký kết các biên bản đối chiếu công nợ tổng là 18 lần, lần cuối cùng vào ngày 30/4/2021 với tổng dư nợ là 3.328.204.000 VNĐ (*Ba tỷ ba trăm hai mươi tám triệu hai trăm linh tư nghìn đồng*). Tuy nhiên, tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/4/2021 chưa thực hiện đối trừ hóa đơn giá trị gia tăng ngày 03/11/2017 do xảy ra sự cố chưa xử lý được ngay vào các thời điểm đối chiếu công nợ. Ngoài ra, đến ngày 04/8/2022 Công ty Trường S đã thực hiện lệnh thanh toán số tiền 200.000.000 VNĐ (*Hai trăm triệu đồng*) cho Công ty chúng tôi. Vì vậy, đến thời điểm hiện tại tại số nợ mà Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Trường S phải thanh toán cho Công ty chúng tôi là **3.305.654.000 đồng** (*Bằng chữ: Ba tỷ ba trăm linh lăm triệu sáu trăm năm mươi tư nghìn đồng*).

Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn thanh toán các hóa đơn từ rất lâu nhưng Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Trường S vẫn không thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc cho công ty chúng tôi là **3.305.654.000 VNĐ** (*Ba tỷ ba trăm linh lăm triệu sáu trăm năm mươi tư nghìn đồng*). Mặc dù, Công ty chúng tôi đã hoàn thành nghĩa vụ thỏa thuận trong hợp đồng, cung cấp đầy đủ hàng theo tiến độ nhưng

Công ty Trường S lại có hành vi vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng thương mại theo quy định tại Khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại 2005 “*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận*”, kèm theo đó Công ty Trường S sẽ phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền quy định tại Khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 “*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*”.

Căn cứ tại Điều 6 Hợp đồng số 1904/HĐMB/TS-NA “*Nếu không thanh toán cho Bên B theo quy định tại Điều 4 [Điều kiện thanh toán] của Hợp đồng này vượt quá thời gian quy định thì Bên A phải trả thêm cho Bên B tiền lãi chậm trả = số ngày quá hạn x lãi suất vay ngắn hạn của Ngân hàng*”. Do đó, ngoài số tiền nợ gốc phải trả, Công ty Trường S phải thực hiện thanh toán số tiền lãi quá hạn tính từ thời điểm Công ty Trường S xác nhận công nợ lần cuối. Lãi suất quá hạn được xác định vào ngày 22/8/2023 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam áp dụng lãi suất vay ngắn hạn của doanh nghiệp vừa và nhỏ là **8%/năm**.

*Về thời gian tính lãi chậm trả:* Công ty Cổ phần Sản xuất Vật Liệu Xây dựng Nguyên A II yêu cầu tính lãi chậm trả bắt đầu từ ngày 30/4/2021 tạm tính đến 31/8/2023 là **853 ngày**. Do đó, tổng tiền lãi chậm trả Công ty Trường S phải thanh toán tính trên dư nợ gốc là **618.021.449 VND** (*Sáu trăm mười tám triệu không trăm hai mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi chín đồng*).

Việc Công ty Trường S không thanh toán các khoản nợ khi đến hạn đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty chúng tôi được pháp luật bảo vệ trong quan hệ kinh doanh thương mại.

Vậy, Công ty Cổ phần Sản xuất Vật Liệu Xây dựng Nguyên A II làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại, buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Trường S phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho công ty chúng tôi số tiền là **3.923.675.449 VND** (Ba tỉ chín trăm hai mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi năm nghìn bốn trăm bốn mươi chín đồng) trong đó bao gồm tiền nợ gốc **3.305.654.000 VND** (Ba tỷ ba trăm linh lăm triệu sáu trăm năm mươi tư nghìn đồng) và tiền lãi trả chậm tạm tính đến ngày 31/8/2023 là **618.021.449 VND** (*Sáu trăm mười tám triệu không trăm hai mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi chín đồng*).

Tại phiên toà, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Toà án giải quyết buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Trường S phải thực hiện

nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền là **4.074.377.045 đồng** (Bốn tỷ không trăm bảy mươi triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng) trong đó bao gồm tiền nợ gốc **3.305.654.000 VNĐ** (Ba tỷ ba trăm linh lăm triệu sáu trăm năm mươi tư nghìn đồng) và tiền lãi trả chậm đến ngày 26/3/2024 là **768.723.045 đồng** (Bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng).

**\* Ý kiến của bị đơn** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 24/11/2024 gửi Toà án: Theo số liệu Công ty Cổ phần Sản xuất Vật Liệu Xây dựng Nguyên A II khởi kiện tại Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, theo đó Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Trường S còn nợ Công ty Cổ phần Sản xuất Vật Liệu Xây dựng Nguyên A II số tiền: 3.328.204.000 (Ba tỉ ba trăm hai mươi tám triệu, hai trăm lẻ tư ngàn đồng). Sau khi kiểm tra đối chiếu, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Trường S có ý kiến:

Số tiền nợ mà Công ty Cổ phần Sản xuất Vật Liệu Xây dựng Nguyên A II khởi kiện là số liệu đối chiếu của hai Công ty đến ngày 30/4/2021. Vì vậy Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Trường S không chấp nhận số tiền 3.328.204.000 đồng (Ba tỉ ba trăm hai mươi tám triệu, hai trăm lẻ tư ngàn đồng) mà Công ty Cổ phần Sản xuất Vật Liệu Xây dựng Nguyên A II khởi kiện.

Năm 2022, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Trường S đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Sản xuất Vật Liệu Xây dựng Nguyên A II và đối chiếu đến ngày 30/11/2022 của hai đơn vị số tiền Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Trường S còn nợ Công ty Nguyên A đến thời điểm hiện tại với số tiền **3.128.204.000 đồng** (Ba tỉ một trăm hai mươi tám triệu, hai trăm linh bốn ngàn đồng).

Từ những vấn đề nêu trên, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Trường S chỉ chấp nhận số tiền theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/11/2022 là: **3.128.204.000 đồng** (Ba tỉ một trăm hai mươi tám triệu, hai trăm lẻ tư ngàn đồng) có bản đối chiếu đính kèm. Số tiền trên Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Trường S sẽ gửi lộ trình trả nợ vào năm 2024.

Tại phiên toà, bị đơn giữ nguyên quan điểm đã trình bày nêu trên. Thừa nhận có nợ thì phải trả, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Trường S chỉ chấp nhận số tiền theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/11/2022 là: **3.128.204.000 đồng** (Ba tỉ một trăm hai mươi tám triệu, hai trăm lẻ tư ngàn đồng) có bản đối chiếu đính kèm. Đối với số tiền **177.450.000 đồng** Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Trường S cho rằng không nợ Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Nguyên A II. Do đó, bị đơn cho rằng Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Nguyên A II đòi nợ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Trường S số tiền 177.450.000 đồng là không có cơ sở pháp lý. Vì điều kiện làm ăn không thuận lợi nên xin chấp nhận trả nợ gốc mỗi tháng trả 100 triệu còn lãi xin miễn cho bị đơn, đến hết tháng 6 năm 2027 sẽ trả hết nợ gốc cho nguyên đơn.

Đối với ý kiến của bị đơn đưa ra thì nguyên đơn không chấp nhận và có quan điểm như sau:

Ngày 19/4/2017, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Trường S và Công ty Cổ phần Sản xuất Vật Liệu Xây dựng Nguyên A II có thỏa thuận ký kết Hợp đồng số 1904/HĐMB/TS-NA “Về việc: Mua bán bê tông thương phẩm phục vụ thi công dự án” và ngày 31/5/2017 ký tiếp Phụ lục Hợp đồng Số 01 ngày 31/5/2017 kèm theo Hợp đồng. Việc ký kết là hoàn toàn đúng quy định pháp luật, hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

Theo quy định tại Hợp đồng, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Trường S sẽ thanh toán 100% giá trị thực hiện hợp đồng cho Công ty Cổ phần Sản xuất Vật Liệu Xây dựng Nguyên A II sau khi hai bên kết thúc hợp đồng.

Từ ngày 01/8/2017 đến ngày nay, hai công ty đã thực hiện ký kết các biên bản đối chiếu công nợ tổng là 18 lần, lần cuối cùng vào ngày 30/4/2021 với tổng dư nợ là 3.328.204.000 VNĐ (Ba tỷ ba trăm hai mươi tám triệu hai trăm linh tư nghìn đồng). Tuy nhiên, tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/4/2021 chưa thực hiện đối trừ hóa đơn giá trị gia tăng ngày 03/11/2017 do xảy ra sự cố chưa xử lý được ngay vào các thời điểm đối chiếu công nợ. Ngoài ra, đến ngày 04/8/2022 Công ty Trường S đã thực hiện lệnh thanh toán số tiền 200.000.000 VNĐ (Hai trăm triệu đồng) cho Công ty chúng tôi. Vì vậy, đến thời điểm hiện tại số nợ mà Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Trường S phải thanh toán cho Công ty chúng tôi là **3.305.654.000 VNĐ** (Ba tỷ ba trăm linh lăm triệu sáu trăm năm mươi tư nghìn đồng).

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 “Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”.

Về lãi suất chậm trả, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Khoản 4, 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi suất này trước hết sẽ do các bên tự thỏa thuận. Lãi suất thỏa thuận này có thể được ghi nhận trước đó trong hợp đồng vay vốn, hợp đồng vay tiền được ký kết trước đó. Lãi suất này cũng có thể do hai bên tự thỏa thuận tại thời điểm tính tiền trả nợ, nếu trong giấy/hợp đồng vay tiền không có quy định về lãi suất này.

Trường hợp không thỏa thuận được về vấn đề lãi suất chậm trả thì lãi suất chậm trả sẽ được xác định theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo đó, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi suất chậm trả sẽ được xác định bằng 50% mức lãi suất cho vay giới hạn tại thời điểm trả nợ là 20%/năm, tương đương với mức lãi suất chậm trả là 10%/năm.

Tuy nhiên, hiện nay do tình hình kinh tế khó khăn, để tạo điều kiện tối đa cho phía Công ty Trường S thực hiện nghĩa vụ thanh toán, chúng tôi đề xuất và yêu cầu áp dụng mức lãi suất chậm trả là 8%/năm.

Thời gian tính lãi chậm trả được xác định từ ngày 30/04/2021 đến ngày 26/03/2024 là **1061 ngày**. Do đó tổng tiền lãi chậm trả tính trên dư nợ gốc là:

$\text{Tiền lãi} = (8\%/365 \text{ ngày} \times \text{số ngày chậm trả}) \times \text{Tiền nợ gốc}$

Theo đó, tổng tiền lãi chậm trả, Công ty Trường S phải thanh toán tính từ ngày 30/4/2021 đến ngày 26/3/2024 là **768.723.045 đồng** (Bảy trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng).

Như vậy, tổng số tiền Công ty Trường S phải thanh toán cho chúng tôi là **4.074.377.045 đồng** (Bốn tỷ không trăm bảy mươi triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu ý kiến như sau: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng pháp luật. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua xét hỏi tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng các Điều 430; 434; 435; 436; 440 Bộ luật Dân sự; Điều 50 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Sản xuất vật liệu xây dựng Nguyên A II về việc buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Trường S phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Sản xuất vật liệu xây dựng Nguyên A II tổng số tiền tính đến ngày 26/3/2024 là **4.074.377.045 đồng** (Bốn tỷ không trăm bảy mươi triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng), *bao gồm: Nợ tiền hàng 3.305.654.000 đồng, lãi chậm thanh toán: 768.723.045 đồng.*

Án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch theo quy định của pháp luật, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mua bán hàng hóa “tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận” quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự; Hai bên đã thỏa thuận bằng văn bản tại Điều 7 của Hợp đồng mua bán ngày 19/4/2017 trong trường hợp có tranh chấp thì giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền tỉnh Quảng Bình. Hợp đồng được xác lập tại địa chỉ trụ sở của bị đơn (địa chỉ trụ sở tại thành phố Đồng Hới) theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự tham gia phiên làm việc, hòa giải nhưng bị đơn không có mặt tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được. Do đó, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-KDTM ngày 15/01/2024, ấn định ngày xét xử là ngày 31/01/2024. Tuy nhiên, ngày 29 tháng 01 năm 2024, Tòa án nhận được đơn xin hoãn phiên tòa của nguyên đơn,

đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và Giấy xin phép của Bị đơn nên đã ban hành Thông báo hoãn phiên toà số 10/2024/TB-TA ngày 31 tháng 01 năm 2024 và ấn định thời gian mở lại phiên toà vào ngày 29 tháng 02 năm 2024. Nhưng bị đơn vắng mặt có lý do và có đơn xin hoãn phiên toà nên Toà án ban hành Quyết định hoãn phiên toà số 19/2024/QĐST-KDTM ngày 29/02/2024, ấn định thời gian mở lại phiên toà vào ngày 26/3/2024. Phiên toà mở lại với sự có mặt của nguyên đơn và bị đơn.

## **[2] Về nội dung:**

### **[2.1] Về tiền mua bán hàng hóa:**

Hợp đồng kinh tế số: 1904/HĐMB/TS-NA, ngày 19/4/2017 “Về việc: Mua bán bê tông thương phẩm phục vụ thi công dự án” và phụ lục kèm theo được ký kết và thực hiện giữa Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Nguyên A II và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Trường S. Xét đây là hợp đồng có hình thức, nội dung không trái pháp luật và được các chủ thể có đăng ký kinh doanh ký kết bởi những người đại diện hợp pháp nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên tham gia ký kết hợp đồng, phù hợp với quy định tại Điều 119 Bộ luật Dân sự. Người tham gia ký kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự

Căn cứ vào Điều 3 của Hợp đồng thì phương thức giao nhận hàng hóa như sau: - *“Lịch giao nhận bê tông: Bên A đặt hàng bên B trước 24 giờ bằng đơn đặt hàng và bên B xác nhận đơn đặt hàng và cung cấp bê tông đúng theo thời gian bên A yêu cầu, trong đơn đặt hàng phải thể hiện rõ địa điểm, thời gian cung cấp, khối lượng, mác, loại phụ gia của bê tông. Trong trường hợp hai bên có trở ngại đến kế hoạch cung cấp bê tông thì phải thông báo cho nhau ít nhất trước 3 giờ bằng điện thoại.*

*- Giá trị hợp đồng được tính toán dựa trên khối lượng bê tông theo yêu cầu thực tế công trình đã thực hiện. Giá trị cuối cùng của hợp đồng được xác định dựa trên khối lượng được hai bên ký xác nhận trong các Phiếu giao hàng và các phiếu giao hàng này là một phần không thể tách rời của hợp đồng kinh tế này.*

Tại Điều 4 của Hợp đồng nêu: *“Phương thức thanh toán: Cuối tháng, hai bên đối chiếu công nợ lập hồ sơ thanh toán, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 90% giá trị khối lượng hoàn thành. 10% còn lại bên A sẽ thanh toán cho bên B trong thời gian 3 tháng/1 kỳ thanh toán. Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị thực hiện hợp đồng cho Bên B sau khi hai bên kết thúc hợp đồng”.*

Căn cứ vào khối lượng bê tông mà nguyên đơn đã giao cho bị đơn và khối lượng dịch vụ bơm, vận chuyển. Nguyên đơn đã xuất các hóa đơn giá trị gia tăng gửi đến địa chỉ của bị đơn và nguyên đơn đã thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết. Việc giao nhận bê tông được lập phiếu giao hàng hàng và hai bên ký xác nhận. Tổng các hóa đơn đã xuất từ tháng 31/5/2017 đến 31/8/2020 gồm 55 hóa đơn như sau: Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 03/11/2017; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000636 ngày 31/5/2017; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000637 ngày 31/5/2017; Hóa đơn

giá trị gia tăng số 0000674 ngày 30/6/2017; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000675 ngày 30/6/2017; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000699 ngày 31/7/2017; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000700 ngày 31/7/2017; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000753 ngày 31/8/2017; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000754 ngày 31/8/2017; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000789 ngày 23/9/2017; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000790 ngày 23/9/2017; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000837 ngày 31/10/2017; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000838 ngày 31/10/2017; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000880 ngày 30/11/2017; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000881 ngày 30/11/2017; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000937 ngày 31/12/2017; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000938 ngày 31/12/2017; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000984 ngày 30/01/2018; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001003 ngày 09/02/2018; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001068 ngày 31/3/2018; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001069 ngày 31/3/2018; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001090 ngày 05/4/2018; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001091 ngày 05/4/2018; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001133 ngày 30/4/2018; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001134 ngày 30/4/2018; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001180 ngày 31/5/2018; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001181 ngày 31/5/2018; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001239 ngày 30/6/2018; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001240 ngày 30/6/2018; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001301 ngày 31/7/2018; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001302 ngày 31/7/2018; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001338 ngày 31/8/2018; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001339 ngày 31/8/2018; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001398 ngày 30/9/2018; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001399 ngày 30/9/2018; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001451 ngày 31/10/2018; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001452 ngày 31/10/2018; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000008 ngày 30/11/2018; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000009 ngày 30/11/2018; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000098 ngày 31/12/2018; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000099 ngày 31/12/2018; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000178 ngày 31/01/2019; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000179 ngày 31/01/2019; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000215 ngày 28/02/2019; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000216 ngày 28/02/2019; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000275 ngày 31/3/2019; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000276 ngày 31/3/2019; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000335 ngày 30/4/2019; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000336 ngày 30/4/2019; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000020 ngày 30/6/2020; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000021 ngày 30/6/2020; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000045 ngày 31/7/2020; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000046 ngày 31/7/2020; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000100 ngày 31/8/2020; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000101 ngày 31/8/2020. Hai bên cũng đã 18 lần ký kết các biên bản đối chiếu công nợ. Theo biên bản đối chiếu công nợ đến hết ngày 30/11/2022 với số tiền còn nợ là 3.128.204.000 đồng. Chứng tỏ yêu cầu của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Nguyên A II buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Trường S phải trả nợ số tiền 3.128.204.000 đồng là có căn cứ.

Đối với số tiền 177.450.000 đồng mà Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Trường S cho rằng không nợ Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Nguyên A II. Ngày 30/11/2017, Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Nguyên A II đã xuất 02

hoá đơn giá trị gia tăng số 0000880, 0000881 với tổng số tiền là 636.825.000 đồng. Do xảy ra sự cố trong quá trình thi công nên Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Nguyên A II chỉ đưa số tiền 459.375.000 đồng vào biên bản đối chiếu công nợ. Còn số tiền 177.450.000 đồng không đưa vào biên bản đối chiếu công nợ. Tuy nhiên, sau khi khắc phục và sự cố không liên quan đến Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Nguyên A II nên công ty yêu cầu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Trường S phải trả số tiền 177.450.000 đồng. Xét thấy, nguyên đơn đã xuất hoá trị gia tăng cho bị đơn số tiền 636.825.000 đồng, chỉ đưa vào biên bản đối chiếu công nợ số tiền 459.375.000 đồng. Việc xuất hoá đơn đã lâu nhưng bị đơn không có ý kiến để trả lại hoá đơn giá trị gia tăng, chứng tỏ bị đơn thừa nhận đã mua hàng của nguyên đơn số tiền theo giá trị gia tăng. Đồng thời, theo các biên bản giao nhận hàng hoá thì giá trị hàng hoá giao nhận tương đương số tiền trên hoá đơn giá trị gia tăng đã xuất. Do đó, có căn cứ để xác định nguyên đơn không phải tự ý xuất hóa đơn mà dựa trên khối lượng hàng đã giao để thực hiện, do đó chấp nhận đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả 177.450.000 đồng. Tổng số tiền hàng hoá bị đơn còn nợ nguyên đơn là  $3.128.204.000 + 177.450.000 = 3.305.654.000$  đồng.

[2.2] Về yêu cầu của Nguyên đơn yêu cầu Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư Trường S phải thanh toán cho Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Nguyên A II khoản tiền lãi do chậm thanh toán là **768.723.045 đồng**: Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các bên cũng có thỏa thuận về việc trả lãi chậm thanh toán tại khoản 6.1 Điều 6 Hợp đồng mua bán ngày 19/4/2017. Do bị đơn không thanh toán đầy đủ cho nguyên đơn như thỏa thuận trong hợp đồng nên nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi chậm thanh toán theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại. Căn cứ kết quả khảo sát lãi suất nợ quá hạn của 03 Ngân hàng (Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn – chi nhánh Trần Hưng Đạo Quảng Bình; Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam- chi nhánh Quảng Bình; Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Quảng Bình) trên địa bàn thành phố Đồng Hới xác định là 12%/ năm. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán với mức lãi suất 08%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị đơn không thực hiện đúng như hợp đồng đã ký kết, nên nguyên đơn có quyền yêu cầu tính lãi chậm thanh toán đối với bị đơn từ thời điểm chậm thanh toán, kể từ ngày xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Xét yêu cầu trên của nguyên đơn là có căn cứ, cần chấp nhận. Thời gian tính lãi chậm trả được xác định từ ngày 30/4/2021 đến ngày 26/3/2024 là **1061 ngày**. Do đó tổng tiền lãi chậm trả tính trên dư nợ gốc là: Tiền lãi =  $(8\%/365 \text{ ngày} \times \text{số ngày chậm trả}) \times \text{Tiền nợ gốc}$ . Theo đó, tổng tiền lãi chậm trả, Công ty Trường Sơn phải thanh toán tính từ ngày 30/4/2021 đến ngày 26/3/2024 là **768.723.045 đồng** (Bảy trăm sáu mươi tám triệu

bảy trăm hai mươi ba nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng) cho Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Nguyên A II.

**[3] Về án phí:** Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư Trường S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là **112.074.000 đồng**.

Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Nguyên A II số tiền tạm ứng án phí **55.236.000 đồng** tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/ 0001695 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

**[4]** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự (2015);
- Căn cứ các Điều 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 4, 24, 50, 306 Luật Thương mại năm 2005;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Nguyên A II:

- Buộc Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư Trường S phải thanh toán cho Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Nguyên A II số tiền nợ gốc là **3.305.654.000 đồng** (*Bằng chữ: Ba tỷ ba trăm linh lăm triệu sáu trăm năm mươi tư nghìn đồng*).

- Buộc Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư Trường S có nghĩa vụ thanh toán khoản lãi do chậm thanh toán là **768.723.045 đồng** (*Bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng*) cho Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Nguyên A II.

Tổng số tiền buộc Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư Trường S thanh toán cho

Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Nguyên A II (bao gồm nợ gốc và tiền lãi chậm trả tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm) là: **4.074.377.045 đồng** (Bằng chữ: *Bốn tỷ không trăm bảy mươi tư triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn, không trăm bốn mươi lăm đồng*).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền còn chưa thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

## 2. Về án phí sơ thẩm:

2.1. Buộc Bị đơn Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư Trường S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là **112.074.000 đồng**.

2.2. Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Nguyên A II số tiền tạm ứng án phí **55.236.000 đồng** tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/ 0001695 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/3/2024);

### Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Nguyễn Thanh Hoa**